

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I; NĂM HỌC 2024- 2025
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Số câu theo mức độ nhận thức								
			NB		TH		VD		VDC		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	ĐỊA LÍ DÂN CƯ	<ul style="list-style-type: none"> – Thành phần dân tộc – Gia tăng dân số ở các thời kì – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính – Phân bố dân cư – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn – Lao động và việc làm – Chất lượng cuộc sống 	2						1a		
2	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ	<p>1. Nông nghiệp, thủy sản</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản – Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh <p>2. Công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp – Sự phát triển và phân 				1					
			4								
			2								

		bố của các ngành công nghiệp chủ yếu – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh							1b
Số câu/ loại câu			8 TN	1 TL	1a TL	1b TL			
Tỉ lệ %			20	15	10	5			

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I; NĂM HỌC 2024- 2025
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9- PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T	Chương / chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Mức độ nhận thức			
				NB	TH	VD	VDC
1	ĐỊA LÍ DÂN CƯ	<ul style="list-style-type: none"> – Thành phần dân tộc – Gia tăng dân số ở các thời kì – Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính – Phân bố dân cư – Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn – Lao động và việc làm 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. – Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương. – Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. 	*		*	

		<ul style="list-style-type: none"> – Chất lượng cuộc sống 	<ul style="list-style-type: none"> – Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. – Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước. 				
2	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ	<p>1. Nông nghiệp, thuỷ sản</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản – Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản – Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh <p>2. Công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp (các nhân tố tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, nước, sinh vật; các nhân tố kinh tế-xã hội: dân cư và nguồn lao động, thị trường, chính sách, công nghệ, vốn đầu tư). – Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản. – Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô 	*		*	

	<p>triển và phân bố công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu – Vấn đề phát triển công nghiệp xanh 	<p>hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.</p> <p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu: (theo quyết định QĐ 27) – Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, nguồn nguyên liệu. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. 	*			*
Số câu/ loại câu			8 TN	1 TL	1a TL	1b TL

Tỉ lệ %	20	15	7,5	7,5
----------------	----	----	-----	-----

Trường THCS Lý Thường Kiệt Lớp 9/..... Họ và tên:	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024- 2025 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (Đề A) Thời gian 30 phút	Điểm
---	---	-------------

I/ TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Em hãy chọn đáp án **A; B; C; D** của ý đúng rồi điền vào bảng trong phần bài làm.

Câu 1: Nhận định nào sau đây *không đúng* về đặc điểm các dân tộc Việt Nam?

- A. Dân tộc kinh chiếm khoảng 60% trong tổng số dân.
- B. Các dân tộc sống trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- C. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi.
- D. Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận của dân tộc Việt Nam.

Câu 2: Năm 2021, người Việt Nam sinh sống, làm việc, học tập ở nước ngoài là

- A. hơn 4 triệu người.
- B. hơn 5 triệu người.
- C. hơn 6 triệu người.
- D. hơn 7 triệu người.

Câu 3: Cây lương thực nào sau đây là cây lương thực chính ở nước ta?

- A. Cây ngô.
- B. Cây khoai.
- C. Cây sắn.
- D.

Cây lúa.

Câu 4: Tính đến năm 2021, tổng diện tích rừng nước ta là bao nhiêu triệu ha?

- A. 12,7.
- B. 13,5.
- C. 14,7.
- D. 15,3.

Câu 5: Năm 2021, vùng nào sau đây có tổng diện tích rừng lớn nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên .
- D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Câu 6: Vùng có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 7: Khai thác than chủ yếu ở

A series of horizontal dotted lines providing a template for writing.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trường THCS Lý Thường Kiệt Lớp 9/..... Họ và tên:	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (Đề B) Thời gian 30 phút	Điểm
---	--	-------------

- A/ TRẮC NGHIỆM: 2 điểm**
- Em hãy chọn đáp án A; B; C; D của ý đúng rồi điền vào bảng trong phần bài làm.**
- Câu 1: Nhận định nào sau đây *không đúng* về đặc điểm các dân tộc Việt Nam?**
- A. Các dân tộc sống trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
 - B. Dân tộc kinh chiếm khoảng 60% trong tổng số dân.
 - C. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi.
 - D. Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận của dân tộc Việt Nam.
- Câu 2: Năm 2021, người Việt Nam sinh sống, làm việc, học tập ở nước ngoài là**
- A. hơn 5 triệu người.
 - B. hơn 6 triệu người.
 - C. hơn 7 triệu người.
 - D. hơn 8 triệu người.
- Câu 3: Cây lương thực nào sau đây là cây lương thực chính ở nước ta?**
- A. Cây ngô.
 - B. Cây khoai.
 - C. Cây sắn.
 - D.
- Câu 4: Tính đến năm 2021, tổng diện tích rừng nước ta là bao nhiêu triệu ha?**
- A. 12,7.
 - B. 13,5.
 - C. 14,5.
 - D. 14,7.

Cây lúa.

Câu 5: Năm 2021, vùng nào sau đây có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên .
- D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Câu 6: Vùng có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 7: Khai thác dầu mỏ chủ yếu ở

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. thềm lục địa phía Nam.
- C. Quảng Ninh.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 8: Khai thác sắt chủ yếu ở

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. thềm lục địa phía Nam.
- C. Quảng Ninh.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

II/ TỰ LUẬN (3 điểm)

CÂU 1: (1,5 điểm) Phân tích các nhân tố tự nhiên (địa hình và đất, khí hậu, nguồn nước) ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta?

CÂU 2: (1,5 điểm)

a. Cho bảng số liệu:

Dân số nước ta giai đoạn 1989 – 2021

Năm	1989	1999	2009	2021
Số dân (Triệu người)	64,4	76,5	86,0	98,5

Hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số nước ta giai đoạn 1989- 2021

b. Em hãy giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh ở nước ta?

BÀI LÀM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐÁP ÁN								

II. PHẦN TỰ LUẬN

.....
.....

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ MÔN ĐỊA LÍ LỚP 9
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024- 2025

A. TRẮC NGHIỆM: 2 điểm. Đúng mỗi câu được 0,25 điểm.

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐỀ A	A	B	D	C	D	B	C	D
ĐỀ B	B	A	D	D	A	C	B	A

B. TỰ LUẬN: 5 điểm

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1,5 điểm)	Phân tích các nhân tố địa hình và đất, khí hậu, nguồn nước ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp nước ta:	
	<p>*Địa hình:</p> <p>-Nước ta có $\frac{3}{4}$ S đồi núi. Là nguồn tài nguyên đất feralit thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp, quy hoạch vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả. Có đồng cỏ thích hợp cho chăn nuôi gia súc lớn.</p> <p>-Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ S, với đồng bằng châu thổ sông Hồng, Sông Cửu Long, đồng bằng ven biển. Đất phù sa thuận lợi cho phát triển vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm.</p>	0,25 0,25

	<p>* Khí hậu</p> <p>- Nước ta có KH nhiệt đới ẩm gió mùa, nguồn nhiệt, ẩm dồi dào là điều kiện để phát triển nông nghiệp nhiệt đới; cây trồng, vật nuôi phát triển nhanh, quanh năm cho năng suất cao. Khí hậu phân hoá đa dạng tạo cơ cấu mùa vụ, sản phẩm đa dạng, điều kiện tạo vùng chuyên canh, chuyên môn hoá sản xuất.</p> <p>* Nước</p> <p>- Nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều hồ, đầm tự nhiên, nhân tạo phân bố khắp cả nước. Nguồn nước ngầm phong phú. Đây là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>2 (1,5 điểm)</p>	<p>a. Vẽ biểu đồ</p> <p>Yêu cầu: vẽ biểu đồ cột đúng khoảng cách năm, đúng số liệu, điền đầy đủ đơn vị, tên biểu đồ.</p> <p>b. Giải thích vì sao cần phát triển công nghiệp xanh ở nước ta</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu chất thải công nghiệp, qua đó khắc phục và giải quyết được tình trạng ô nhiễm môi trường nhờ vận hành chuỗi sản xuất khép kín, tuần hoàn giữa các doanh nghiệp. - Tạo ra sản phẩm công nghiệp chất lượng cao, đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường thế giới. - Tiết kiệm chi phí đầu vào, nhiên liệu, nguyên liệu và năng lượng trong sản xuất. 	<p>0,75</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>